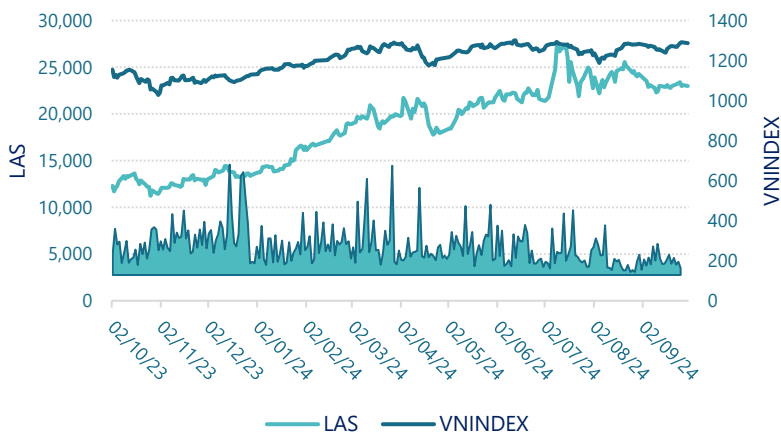




CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (HNX: LAS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	23,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,277
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,238
SL cổ phiếu LH	112,856,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,066,715
% sở hữu nước ngoài	2.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,596
P/E	12.6
EPS	1,832

DT thuần

Q3/24

812

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 207 | 34.3%

YoY: ▲ 1.00 | 0.2%

LN sau thuế

Q3/24

32.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼34.6 | -51.4%

YoY: ▲ 4.00 | 13.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

5.5%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần

9T 2024

2,862

tỷ VNĐ

YoY: ▼29.0 | -1.0%

LN sau thuế

9T 2024

152

tỷ VNĐ

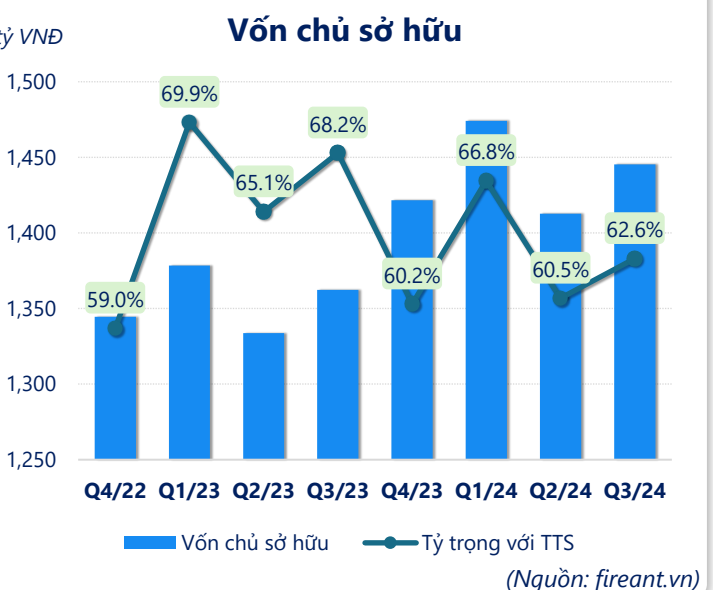
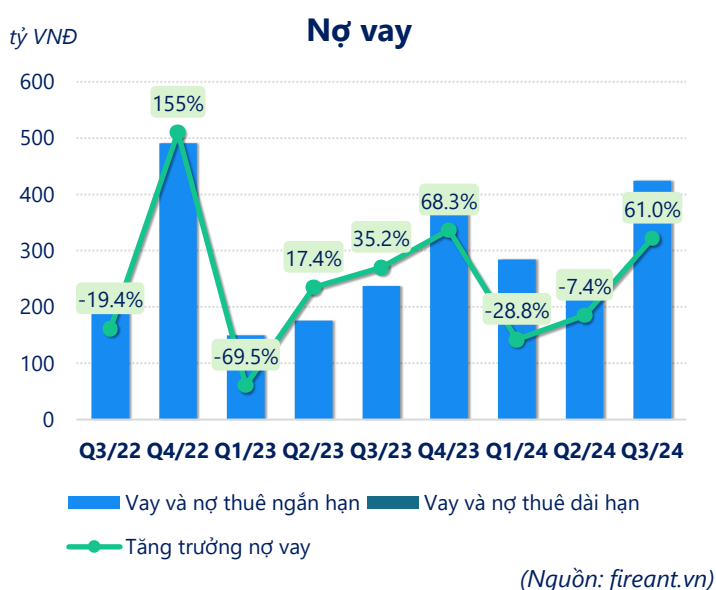
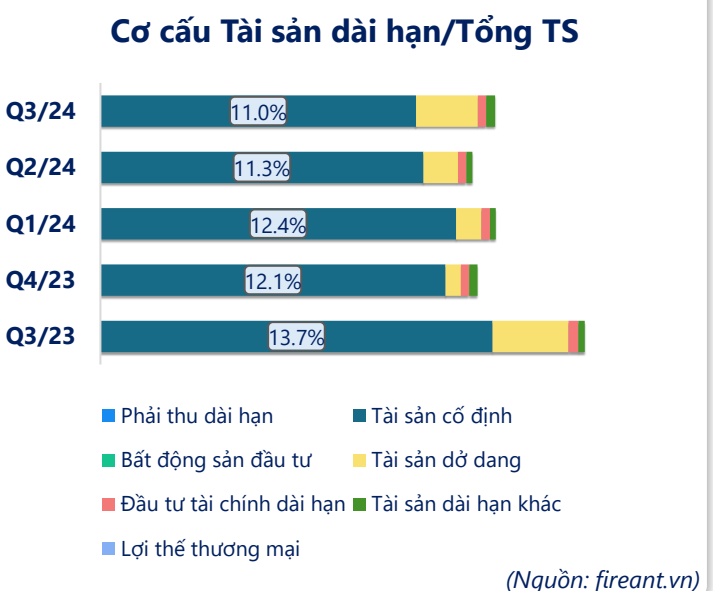
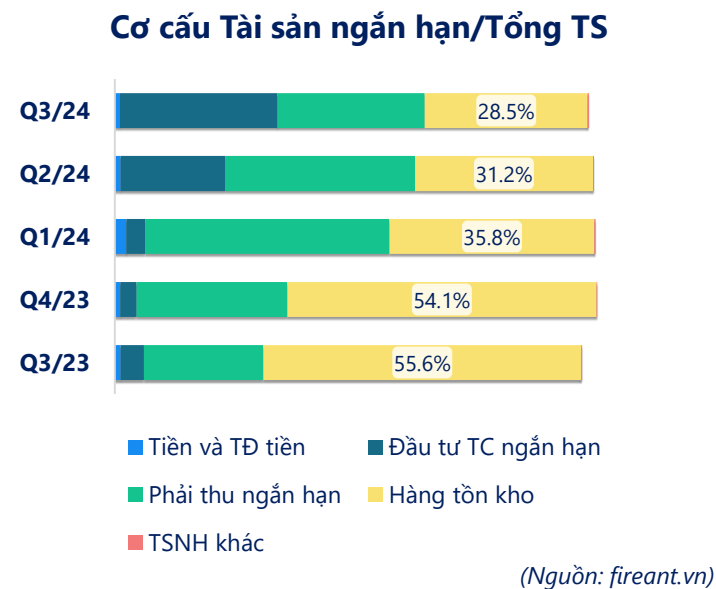
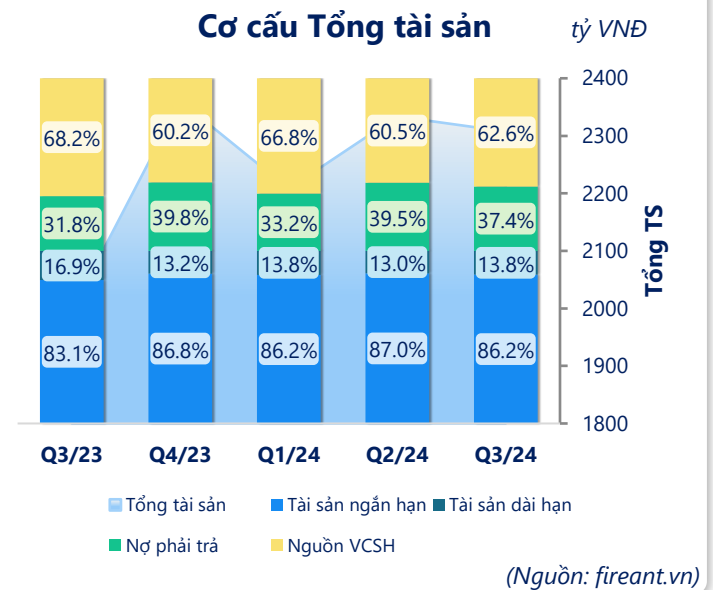
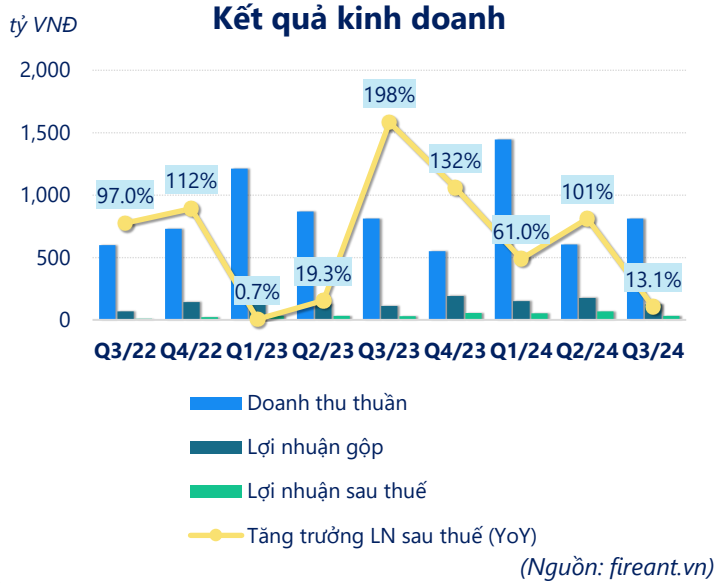
YoY: ▲ 57.8 | 61.8%

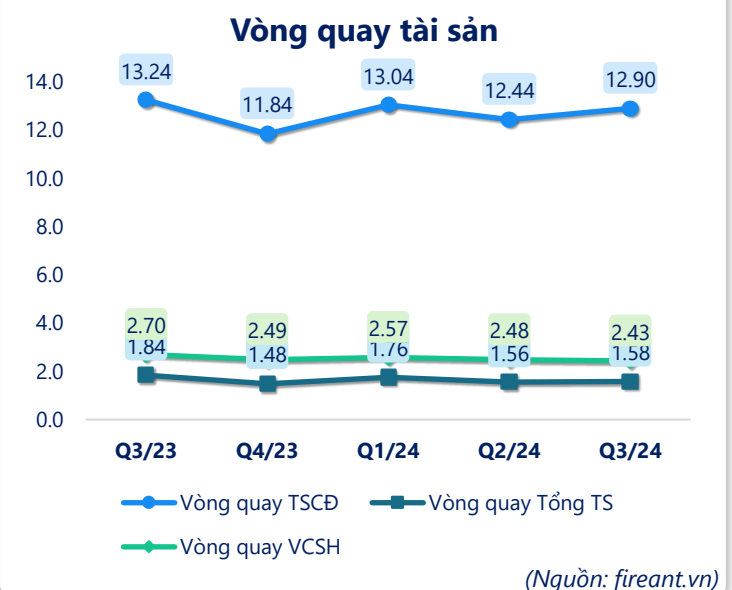
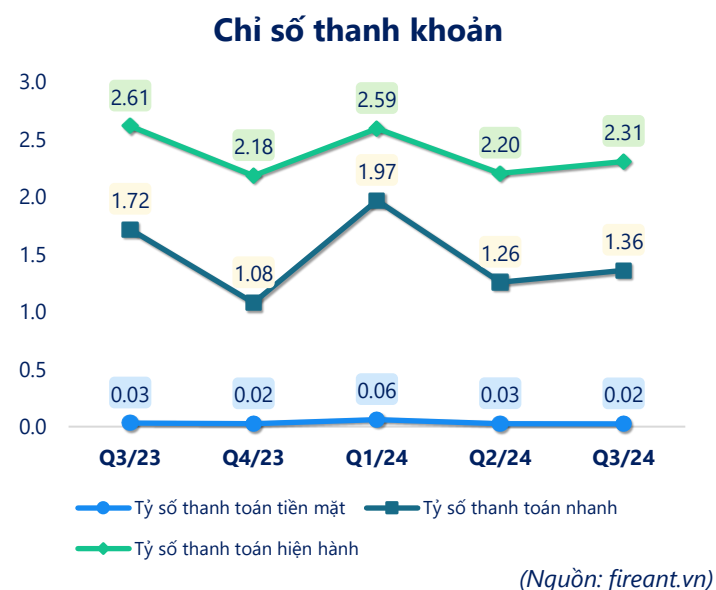
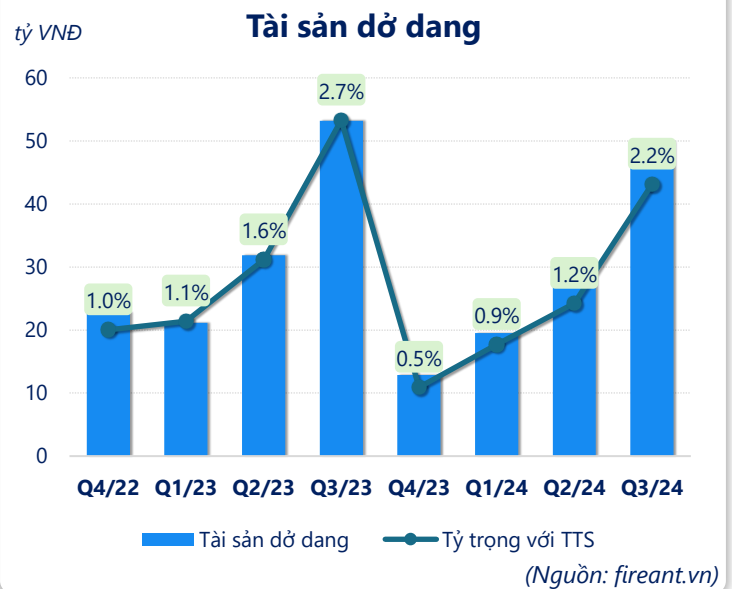
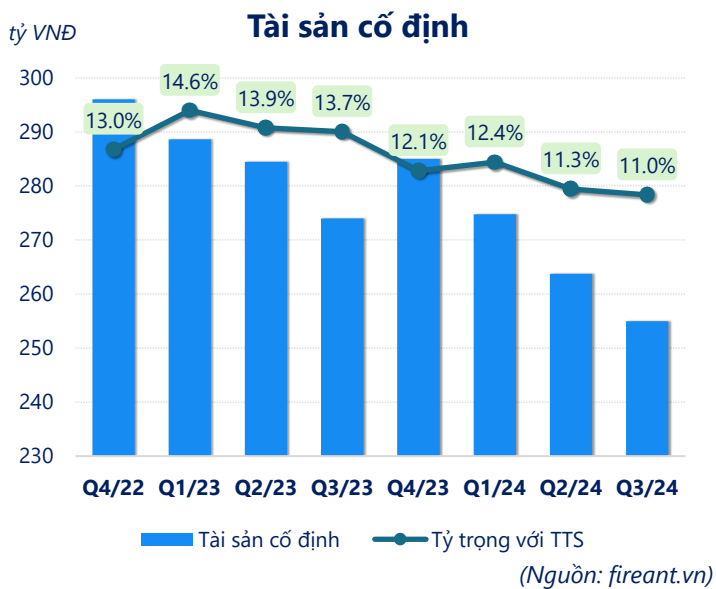
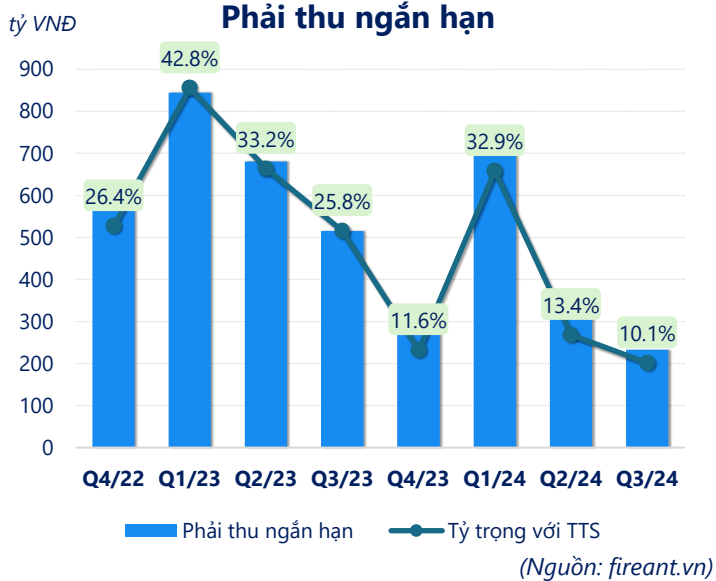
ROE

Q3/24

14.7%

+/- YoY: ▲ 6.2%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	1,997	2,360	2,208	2,333	2,308
Tài sản ngắn hạn	1,658	2,049	1,902	2,030	1,989
Tiền và tương đương tiền	19.7	22.6	44.6	23.2	20.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	550	710	665	815	915
Phải thu ngắn hạn	515	275	727	314	233
Hàng tồn kho	569	1,038	459	874	816
Tài sản ngắn hạn khác	3.98	3.71	6.75	4.20	4.26
Tài sản dài hạn	338	311	306	304	319
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	274	285	275	264	255
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	53.2	12.9	19.5	28.3	49.8
Đầu tư tài chính dài hạn	6.84	6.84	6.84	6.84	6.84
Tài sản dài hạn khác	4.42	6.76	4.42	5.02	7.18
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	634	939	734	921	862
Nợ ngắn hạn	634	939	734	921	862
Vay và nợ thuê ngắn hạn	237	400	284	264	424
Phải trả người bán ngắn hạn	137	278	146	234	90.0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,362	1,422	1,474	1,413	1,445
Vốn chủ sở hữu	1,362	1,422	1,474	1,413	1,445
Vốn điều lệ	1,129	1,129	1,129	1,129	1,129
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)